

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 10/6/2021

“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Bửu Linh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đỗ Minh Tân

2. Bà Trần Thị Phiến

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Nguyễn Thùy Dung, thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:**  
Ông Trần Hữu Thọ, Kiểm sát viên.

Trong ngày 10/6/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 20/2021/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2021, về tranh chấp ly hôn, nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/4/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 36/2021/QĐST-HNGĐ ngày 14/5/2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Võ Thị Ngọc H, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Ấp P, xã N, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Hữu T, sinh năm 1993;

Địa chỉ: Ấp L, xã Đ, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

*(Chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt tại phiên tòa)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 22/12/2020 và biên bản lấy lời khai ngày 28/4/2021, nguyên đơn chị Võ Thị Ngọc H trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị Ngọc H và anh Nguyễn Hữu T tự quen biết, qua tìm hiểu hơn 03 năm rồi tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký

kết hôn, anh chị được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 17/10/2014.

Anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian, đến tháng 5/2018 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, do anh T có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, chị đã cho anh T cơ hội sửa sai, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh T không thay đổi mà vẫn qua lại với người phụ nữ đó. Đồng thời, anh T thường xuyên ăn chơi, không chí thú làm ăn cùng chị xây dựng gia đình, vợ chồng chung sống cũng không tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn xảy ra liên tục, không thể nào hàn gắn được nữa nên cả hai cũng đã ly thân từ thời điểm đó cho đến nay. Hiện tình cảm vợ chồng đã lạnh nhạt, không thể nào hàn gắn được nữa nên chị H yêu cầu ly hôn anh Nguyễn Hữu T.

- Về con chung: Có 01 con tên Nguyễn Hữu Tr, sinh ngày 16/3/2017. Chị H yêu cầu được nuôi dưỡng Nguyễn Hữu Tr sau khi ly hôn (cháu Tr đang sống chung với chị H), không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Võ Thị Ngọc H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên không đến tham dự phiên tòa.

*Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh Nguyễn Hữu T để làm việc và hòa giải nhưng anh T đều vắng mặt và tại phiên tòa hôm nay, anh T tiếp tục vắng mặt, không có ý kiến trình bày.*

*Tuy nhiên qua xác minh, cha ruột anh T là ông Nguyễn Văn V cho biết anh T, chị H là con trai ruột và con dâu của ông, sau khi cưới anh chị sống chung nhà với vợ chồng ông được 01 tháng thì lên Thành phố Hồ Chí Minh sinh sống và làm việc. Ông V không biết anh, chị mâu thuẫn từ khi nào, chỉ đến khi Tòa án đến nhà tổng đạt văn bản thì ông mới biết. Sau đó, ông V có nghe anh T nói lại lý do mâu thuẫn là do chị H ghen tuông khi anh làm nghề tài xế. Hiện nay, anh T đang sống chung nhà với ông, do anh T là tài xế xe tải chở hàng nên thường xuyên vắng nhà. Đối với các văn bản Tòa án tổng đạt thì sau khi nhận, ông đều thông báo và giao lại cho anh T. Sau đó, anh T có nói lại với ông, lý do anh T không đến Tòa án làm việc là do anh T đồng ý ly hôn với chị H, không có ý kiến gì khác; anh T đồng ý giao Nguyễn Hữu Tr cho chị H nuôi dưỡng do cháu đã sống ổn định với mẹ từ nhỏ; quá trình chung sống anh chị không tạo lập được tài sản chung và cũng không nợ ai.*

*\* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu:*

Về tố tụng: Thông nhất về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bị

đơn không chấp hành pháp luật, vắng mặt trong phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, làm cho việc giải quyết vụ án chưa nhanh chóng.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H về việc xin ly hôn anh T. Về con: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H về việc nuôi con chung, giao cháu Nguyễn Hữu Tr, sinh ngày 16/3/2017 cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng, vì cháu Tr đã sống ổn định với chị H, anh T không cấp dưỡng nuôi con do chị H không yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về thủ tục tố tụng:**

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Võ Thị Ngọc H khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Hữu T hiện cư trú tại ấp L, xã Đ, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Vì vậy, Tòa án huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp nơi bị đơn cư trú thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của các đương sự trong vụ án: Tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Hữu T tuy đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Đồng thời nguyên đơn chị Võ Thị Ngọc H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn quy định tại khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

#### **[2] Về nội dung vụ án:**

[2.1] Về hôn nhân: Xét yêu cầu của chị H về việc yêu cầu ly hôn anh T, Hội đồng xét xử xét thấy:

Chị Võ Thị Ngọc H và anh Nguyễn Hữu T chung sống có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 17/10/2014 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, giữa anh chị đã phát sinh mâu thuẫn, chị H cho rằng anh T thường xuyên ăn chơi, không cùng chị tạo lập kinh tế, xây dựng hạnh phúc gia đình, vợ chồng chung sống cũng không tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn xảy ra liên tục. Ngoài ra, anh T còn có mối quan hệ tình cảm nam nữ với người phụ nữ khác, chị đã cho anh T cơ hội sửa sai, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh T đã không thay đổi, vợ chồng cũng đã ly thân từ năm 2018 đến nay. Hiện mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm không thể nào hàn gắn được nữa nên chị H

yêu cầu ly hôn anh T là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Mặt khác, tại các lần Tòa án mời làm việc, hòa giải và xét xử anh T đều vắng mặt không lý do, cho thấy anh T hoàn toàn không có thiện chí hàn gắn tình cảm cùng với chị H.

[2.2] Về con chung: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và chứng cứ Tòa án thu thập được, Hội đồng xét xử nhận thấy: Từ khi mâu thuẫn xảy ra, anh T và chị H ly thân, cháu Nguyễn Hữu Tr vẫn tiếp tục sống chung với chị H, cuộc sống đã ổn định. Do đó, nhằm tránh làm thay đổi môi trường sống của cháu Tr nên giao cháu Nguyễn Hữu Tr, sinh ngày 16/3/2017 cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng; anh T không cấp dưỡng nuôi con do chị H không yêu cầu.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Do chị H xác định không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét

[3] Đối với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung vụ án: Xét thấy, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp quy định pháp luật, phù hợp các tình tiết của vụ án nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Chị H phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Xử :**

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Ngọc H.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Võ Thị Ngọc H. Chị Võ Thị Ngọc H được ly hôn với anh Nguyễn Hữu T.

2. *Về con chung:* Giao Nguyễn Hữu Tr, sinh ngày 16/3/2017 cho chị Võ Thị Ngọc H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn.

Anh Nguyễn Hữu T có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Anh Nguyễn Hữu T không cấp dưỡng nuôi con do chị Võ Thị Ngọc H không yêu cầu.

3. *Về tài sản chung và nợ chung:* Đương sự xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này có tranh chấp thì có quyền khởi kiện bằng vụ kiện khác.

4. *Về án phí:* Chị Võ Thị Ngọc H phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0011860 ngày 21/01/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành. Chị Võ Thị Ngọc H đã nộp xong.

5. *Về quyền kháng cáo:*

Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- TAND Tỉnh (1);
- VKSND Huyện (1);
- THADS Huyện (1);
- Lưu: VT, HSVA (2).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Phạm Bửu Linh**









